

THỊ TRƯỜNG DUY TRÌ TRẠNG THÁI YẾU

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Khi xu hướng ngắn hạn vẫn đang ở trạng thái yếu, nhà đầu tư được khuyến nghị chỉ duy trì nắm giữ một vị thế an toàn và tránh các quyết định mua đuổi giá.
BÁN	Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu kém hơn thị trường chung nếu có.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

REE	THEO DÕI
	↑ 9,69%
	VND70.200

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (12/11), khi NĐT dường như muốn một chút tạm dừng sau chuỗi phiên tăng liên tiếp hậu bầu cử tổng thống Mỹ.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** VN-Index kết phiên với nền đỏ giảm điểm do áp lực điều chỉnh ở nhóm blue-chips và áp lực bán gia tăng trở lại. Thanh khoản duy trì ở mức trung bình 2 tuần gần nhất, nhưng lực cầu xu hướng yếu đang cho thấy bên mua trở nên thận trọng trước phe bán. Về kỹ thuật, chỉ số VN-Index vẫn trong pha điều chỉnh khi nằm dưới đường trung bình MA200 ngày. Khi xu hướng ngắn hạn vẫn đang ở trạng thái yếu, nhà đầu tư được khuyến nghị chỉ duy trì nắm giữ một vị thế an toàn và tránh các quyết định mua đuổi giá.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	43.910,98	-0,86	16,51
S&P 500	5.983,99	-0,29	25,46
Nasdaq	19.281,40	-0,09	28,45
VIX	14,71	-1,74	18,15
DAX	19.033,64	-2,13	13,62
FTSE 100	8.025,77	-1,22	3,78
CAC40	7.226,98	-2,69	-4,19
Hang Seng	19.689,29	-0,79	15,50

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	SELL	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	38,53	SELL
MACD (12,26)	-6,46	SELL
ADX (14)	12,81	SELL
SMA5	1.253,75	SELL
SMA20	1.261,80	SELL
SMA50	1.268,85	SELL
SMA100	1.262,93	SELL
SMA200	1.254,45	SELL

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Theo dữ liệu từ công cụ FedWatch Tool của sàn giao dịch CME, thị trường hiện cho rằng khả năng Fed giảm lãi suất 0,25 điểm phần trăm trong cuộc họp cuối cùng của năm nay chỉ là hơn 58%, giảm từ mức hơn 77% cách đây 1 tuần.
- Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao sau tại London tăng 0,06 USD/thùng, chốt ở mức 71,89 USD/thùng. Giá dầu thô WTI giao sau tại New York tăng 0,08 USD/thùng, chốt ở 68,12 USD/thùng.
- Trong những phiên còn lại của tuần này, mối quan tâm của nhà đầu tư sẽ dành cho hai báo cáo lạm phát tháng 10 gồm báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và báo cáo chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) - những dữ liệu có thể chi phối kỳ vọng về đường đi lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sau 2 đợt giảm lãi suất liên tiếp vào tháng 9 và tháng 10 vừa qua.
- Quốc hội quyết nghị tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) khoảng 6,5-7,0%, phần đầu khoảng 7,0-7,5% và GDP bình quân đầu người khoảng 4.900 USD.
- Theo thống kê của Bộ NN&PTNT, tổng sản lượng thủy sản 10 tháng đầu năm 2024 đạt gần 7,9 triệu tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, sản lượng thủy sản khai thác đạt gần 3,3 triệu tấn, tăng 0,6%; sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt hơn 4,6 triệu tấn, tăng 3,8%.
- **BVH:** Ngày 20/11 tới đây, Tập đoàn Bảo Việt sẽ chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10,037%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1.003,7 đồng. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 19/11, thời gian thanh toán cổ tức dự kiến ngày 20/12.
- **NLG:** Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình, tổ chức có liên quan đến ông Nguyễn Đức Thuận, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long vừa thông báo đăng ký bán 3,3 triệu cổ phiếu NLG nhằm cơ cấu lại danh mục đầu tư. Giao dịch dự kiến thực hiện từ ngày 14/11/2024 đến 13/12/2024, theo phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận.
- **VCI:** Tại đợt chào bán cổ phần riêng lẻ kết thúc ngày 11/11, Chứng khoán Vietcap báo cáo đã phân phối 143,63 triệu cp. Trong đó, nhà đầu tư trong nước và nước lần lượt chiếm 48,4% và 51,6%. Tổng số tiền thu được là 4.021 tỷ đồng, qua đó tăng vốn điều lệ lên thành 7.181 tỷ đồng.
- **HPG:** Lãnh đạo Hòa Phát cam kết sẽ cung cấp đủ 6 triệu tấn thép làm đường ray cao tốc và thép dự ứng lực cường độ cao, đảm bảo chủng loại và thời gian giao hàng, với giá bán thấp hơn thép nhập khẩu.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.609,72	0,44	26,50
Dầu WTI	68,13	0,01	-4,91
Dầu Brent	71,93	0,06	-6,63
Than	142,25	0,00	-2,83
Đồng	9.142,00	-2,03	6,81
Quặng sắt	103,41	0,19	-25,02
Thép	490,00	0,41	-13,22

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	105,945	-0,07	4,55
USD/JPY	154,69	-0,05	-8,82
USD/CNY	7,2194	0,21	-1,65
EUR/USD	1,0628	0,05	-3,72
GBP/USD	1,2752	0,03	0,17

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	07/11/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	07/11/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
VHM	661,36	40.300	-0,74
MWG	655,28	60.800	-3,49
MSN	291,11	72.500	-1,36
HPG	661,02	27.500	-0,72
STB	489,53	33.550	-0,74

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	513.637,49	91.900	-0,11
BID	263.930,18	46.300	-0,43
FPT	201.242,26	136.800	-1,08
CTG	185.264,72	34.500	-1,29
HPG	175.896,88	27.500	-0,72

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

REE

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

THEO DÕI

65.800

70.200

9,69%

62.500-64.000

<60.800

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Quý 3/2024, REE ghi nhận doanh thu thuần đạt 2.028 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ, và LNST công ty mẹ đạt 480 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng năm 2024, doanh thu thuần công ty đạt 6.048 tỷ đồng, giảm 7% và LNST công ty mẹ đạt 1.514 đồng, giảm gần 30% so với cùng kỳ.
- Về triển vọng phát triển, đối với mảng cơ điện lạnh, công ty ghi nhận tổng giá trị hợp đồng ký mới lũy kế gần 4.000 tỷ đồng. Đối với mảng BĐS, E-Town 6 đã được khai trương vào 27/06/2024. Về giá thuê dự kiến sẽ dao động từ 24 USD - 29 USD/m2.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- REE đang trong nhịp hồi phục ngắn hạn, tuy nhiên, áp lực bán có thể gia tăng trở lại khi cổ phiếu tiệm cận MA100 ngày. Nhà đầu tư có thể theo dõi diễn biến cổ phiếu trong những phiên tới để có hành động phù hợp, vùng mua thăm dò quanh ngưỡng hỗ trợ 62.500-64.000 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	9.372	8.570	2.029
LNTT (tỷ đ)	3.879	3.056	633
LNST (tỷ đ)	3.515	2.787	562
Nợ/VCSH (%)	59	52	49
ROE (%)	18,69	13,33	10,38
ROA (%)	8,19	6,36	5,18
EPS (VNĐ)	5.729	4.656	3869,09
P/E (lần)	9,4	10,6	17,01
P/B (lần)	1,64	1,34	1,70

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	SELL	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	56,91	BUY	
MACD (12,26)	-0,2	SELL	
ADX (14)	13,39	BUY	
SMA5	64.760	BUY	
SMA20	64.100	BUY	
SMA50	65.270	BUY	
SMA100	66.800	SELL	
SMA200	61.020	BUY	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	GMD	Năm giữ	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			1,38%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	PNJ	Chốt lời	95-96,5	2/8/2024	96	108	91,6	20/8/2024	108	12,50%
2	MWG	Chốt lời	59,5-62	20/6/2024	62	69,8	57,5	21/8/2024	69,8	12,58%
3	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
4	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
5	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
6	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
7	PLX	Cắt lỗ	44-46	20/9/2024	45,35	49,8	42,8	15/10/2024	42,8	-5,62%
8	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
9	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
10	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
11	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
12	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
13	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
14	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
15	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị ngày: 30/1/2024

MĐT/CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Điểm 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-18-37%
MĐT/CP	MSSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Cổ thế DCA về 61-62)	
Cắt lỗ	Điểm 59	-(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-12%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Nằm giữ	
MĐT/CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	18.1	-(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-13%-24%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mô chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lợi/khian)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 **Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.**

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room